

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/DSST

Ngày 01/02/2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Hạnh

2. Ông Lê Ngọc Phi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Hồng Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 01/02/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2023/TLST - DS ngày 26/4/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2023/QĐXXST - DS ngày 26/12/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST - DS ngày 15/01/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1979; Địa chỉ: Tổ D, ấp A, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Có mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1975; Địa chỉ: khu phố N, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu – Là đại diện theo ủy quyền, Văn bản ủy quyền ngày 05/5/2023. (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Ngô Thị T1, sinh năm 1964; Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Kim T2, sinh năm 1963; Địa chỉ: Tổ C, thôn S, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 11/6/2022 bà Ngô Thị T1 vay của bà Trần Thị T số tiền 5.500.000.000 đồng (Năm tỷ năm trăm triệu đồng). Khi vay có lập giấy mượn tiền và bà T1 ký tên xác nhận, không thỏa thuận lãi, hai bên chỉ thỏa thuận thời hạn mượn tiền từ ngày 11/6/2022 đến ngày 11/2/2023 (Có con gái bà T1 là Nguyễn Ngọc Yến N ký tên làm chứng).

Đến tháng 8/2022, bà T1 trả lại cho bà T số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Ngày 07/10/2022, bà T1 vay thêm số tiền 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng) đến ngày 11/4/2023 bà T1 trả lại cho bà T được số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng). Như vậy đến thời điểm này bà T1 còn nợ bà T tổng số tiền 5.050.000.000 đồng (Năm tỷ không trăm năm mươi triệu đồng).

Khi vay tiền bà T1 cam kết nếu không trả được nợ thì sẽ chuyển nhượng thửa đất số 64 tờ bản đồ số 20, diện tích 1.741,9m² và thửa đất số 20 tờ bản đồ số 19, diện tích 1.496,6m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng số M510033 do UBND huyện C, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 22/6/1999 cho hộ ông Nguyễn Kim T2 (chồng bà T1) để thanh toán nợ. Tuy nhiên, khi chưa trả nợ thì phía bà T1 đã tiến hành chuyển nhượng thửa đất trên người khác.

Hiện nay, đã quá thời hạn trả nợ nên bà T đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà T1 lảng tránh không trả lại tiền vay. Vì vậy bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Buộc bà Ngô Thị T1 phải hoàn trả lại tổng số tiền vay là 5.050.000.000 đồng (Năm tỷ không trăm năm mươi triệu đồng).

[2]. Đối với bị đơn bà Ngô Thị T1:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập, thông báo phiên hòa giải công khai chứng cứ và yêu cầu phía bị đơn cung cấp ý kiến, chứng cứ; tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bà T1.

Tiến hành xác minh xác định bà Ngô Thị T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Tuy nhiên, trong suốt thời gian giải quyết vụ án, bà T1 không đến Tòa để trình bày ý kiến thừa nhận hay bác bỏ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan trong vụ án.

[3]. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Kim T2:

Ông Nguyễn Kim T2 là chồng bà Ngô Thị T1. Trong quá trình giải quyết vụ án ông T2 không đến Tòa để tham gia các buổi làm việc, hòa giải; không cung cấp các tài liệu chứng cứ liên quan.

[4]. Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tham gia phiên tòa: Về tố tụng: Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng thì thấy:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48; Thẩm quyền thụ lý đúng quy định tại Điều 35, 39; Tư cách người tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 70, 71, 72; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát, đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196; Vụ án còn vi phạm thời hạn xét xử theo quy định theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa; Đối với đương sự đã chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn bà Ngô Thị T1 phải trả lại cho bà Trần Thị T số tiền 5.050.000.000 đồng (Năm tỷ không trăm năm mươi triệu đồng); do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết; về án phí bị đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

Về tố tụng:

[1] Căn cứ vào yêu cầu của đương sự, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn cư trú tại huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với bị đơn bà Ngô Thị T1; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Kim T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì điều kiện bất khả kháng, nên căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Ông Lê Hữu T3, ông Phạm Đức H, ông Phạm Hồng T4 được Tòa án xác định là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, cụ thể liên quan đến việc nhận chuyển nhượng thửa đất số 64 tờ bản đồ số 20, diện tích 1.741,9m² tại

xã X, huyện C từ vợ chồng bà T1 ông T2 và hiện đang bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trong vụ án. Tuy nhiên trước khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử thì giữa nguyên đơn bà T với phía ông T3, ông H, ông T4 đã tự thỏa thuận với nhau để hủy bỏ biện pháp ngăn chặn thừa đất trên, vì vậy xác định các đương sự gồm ông H, ông T3, ông T4 không còn liên quan trong vụ án.

Về nội dung:

[4] Nguyên đơn bà Trần Thị T yêu cầu bị đơn Ngô Thị T1 trả lại số tiền vay là 5.050.000.000 đồng (Năm tỷ không trăm năm mươi triệu đồng), không yêu cầu tính tiền lãi.

Căn cứ vào chứng cứ là “Giấy mượn tiền lập ngày 11/6/2022” có chữ ký và ghi tên người vay là bà Ngô Thị T1, về nội dung thỏa thuận trong giấy mượn có ghi số tiền vay là 5.500.000.000 đồng (Năm tỷ năm trăm triệu đồng); thời hạn vay 08 tháng tính từ ngày 11/6/2022 đến ngày 11/02/2023, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận. Nguyên đơn khai nhận vào tháng 8/2022, bà T1 tự nguyện trả lại cho bà T số tiền gốc vay là 500.000.000 đồng (bà T1 ký tên xác nhận). Số tiền nợ còn lại là 5.000.000.000 đồng.

Ngày 07/10/2022, bà T tiếp tục cho bà T1 vay thêm số tiền 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng), tổng tiền vay còn nợ là 5.650.000.000 đồng (bà T1 ký tên xác nhận trên giấy vay). Ngày 11/4/2023 nguyên đơn khai nhận, bà T1 tự nguyện trả lại cho bà T số tiền gốc vay là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng). Tổng số tiền bà T1 còn nợ lại bà T là 5.050.000.000 đồng (Năm tỷ không trăm năm mươi triệu đồng). Nguyên đơn bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà T1 phải trả lại số tiền vay còn nợ lại như trên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng là thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên bà T1 không đến Tòa tham gia các buổi làm việc và hòa giải. Tiến hành xác minh bị đơn tại nơi cư trú thì xác định bà T1 có đăng ký thường trú tại thôn T, xã S, huyện C. Theo tài liệu là Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng tại Văn phòng C (huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) ngày 10/4/2023 thì bà T1 vẫn tham gia ký kết hợp đồng trên, việc bà T1 không đến Tòa giao nộp bản ý kiến, chứng cứ chứng minh là tự từ bỏ các quyền, nghĩa vụ của mình trong vụ án.

Vì vậy, xác định bà T1 có vay của bà T tổng số tiền 5.050.000.000 đồng (Năm tỷ không trăm năm mươi triệu đồng) chưa thanh toán lại số tiền này. Đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, bị đơn vi phạm cam kết về thời hạn vay, nay nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nên cần buộc bị đơn bà T1 phải có nghĩa vụ trả lại tiền vay còn nợ cho bà T.

[5] Về tiền lãi: Bà T không yêu cầu về việc tính lãi nên không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch trên số tiền phải trả theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 463; 466; 468; Điều 470 Bộ Luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bị đơn bà Ngô Thị T1.

2. Buộc bà Ngô Thị T1 phải hoàn trả cho bà Trần Thị T số tiền **5.050.000.000 đồng** (*Năm tỷ không trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí:

- Bà Ngô Thị T1 phải chịu 113.050.000 đồng (Một trăm mười ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho bà Trần Thị T 56.525.000 (Năm mươi sáu triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005171 ngày 26/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

(Người vắng mặt thì thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.)

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- VKSND H. Châu Đức;
- Chi cục THADS H. Châu Đức;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

Lê Hoàng Anh

